

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 522/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/QĐXX-HNGĐ ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Xóm Y, xã V, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Đường N3, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Xóm Y, xã V, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Nhà trọ S, đường N5, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/06/2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đình C tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/12/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm, ông C không còn quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Bà H đã nhiều lần bỏ qua để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông C vẫn không sửa đổi tính tình và không còn yêu thương vợ con.

Hiện tại, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 12/8/2015. Khi ly hôn, bà H tự nguyện giao cháu Nguyễn Thị Bảo T cho ông Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Đình C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông C thống nhất với lời trình bày của bà H về thời điểm chung sống và hình thức đăng ký kết hôn. Ông C cho rằng quá trình chung sống giữa ông và bà H có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng ông C muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, trước yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông C không đồng ý ly hôn vì không muốn gia đình đổ vỡ, ảnh hưởng đến con cái, muốn lo cho con cái.

Về con chung: Ông C yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 12/08/2015. Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C thống nhất với nguyên đơn là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Đình C có địa chỉ tạm trú tại đường N5, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đình C tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/12/2014, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà H cho rằng giữa bà và ông C không còn yêu thương nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, nguyên nhân do ông C không quan tâm, chăm sóc cho vợ con, ông C hay xúc phạm danh dự của bà H, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

[3.1] Kết quả xác minh ngày 07/10/2019 thể hiện: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1995 có đăng ký tạm trú tại khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới tranh chấp về ly hôn giữa bà H và ông C.

[3.2] Xét thấy, hiện nay bà H không còn yêu thương ông C. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động, thuyết phục bà H cho ông C cơ hội sửa sai để về đoàn tụ gia đình nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông C trình bày muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, bà H và ông C đã ly thân thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[3.3] Về con chung: Bà H và ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 12/08/2015. Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

[3.4] Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Thị Bảo T đang sống chung cùng ông Nguyễn Đình C. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu T cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm về quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của bà H, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Đình C về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 12/08/2015 cho ông Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đình C đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0038364 ngày 24/07/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương

